

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 /4/2022.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Nhân Phái và ông Hồ Sỹ Định.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 139/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 17/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị NC, sinh năm 1983. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đặng C, sinh năm 1978. Vắng mặt lần thứ hai.

Đều có địa chỉ: Đội 6 thôn Giang Ché, xã Giang Hải, Huyện P, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 28 tháng 10 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị NC trình bày như sau:

Chị C và anh Đặng C có đăng ký kết vào ngày 25/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã VG (nay là xã Giang Hải), Huyện P, tỉnh T. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian ngắn khoảng 2 tháng đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh Ch không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, hay uống rượu về nhà chửi mắng xúc phạm chị C. Vì vậy, giữa hai người sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay nguyên đơn không còn tình thương yêu anh Ch, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng C.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung là Đặng Trần Như Ý, sinh ngày 22/4/2006 và Đặng Trần Quốc Việt, sinh ngày 21/5/2011. Nguyên đơn

yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai cháu cho chị C được chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị NC trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao giấy khai sinh; Bản sao chứng minh nhân dân; Bản sao sổ hộ khẩu.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã trực tiếp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập; các Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Ch được biết việc chị C xin ly hôn và tranh chấp nuôi con. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/3/2022, bị đơn khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị NC có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2002 tại UBND xã VG (nay là xã Giang Hải) Huyện P, tỉnh T. Vợ chồng sống có hạnh phúc được thời gian 10 năm, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, giữa hai người sống ly thân khoảng 5 năm. Nay anh vẫn còn tình thương yêu chị C, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ. Về việc nuôi con: Vợ chồng có 02 người con chung là Đặng Trần Như Ý, sinh ngày 22/4/2006 và Đặng Trần Quốc Việt, sinh ngày 21/5/2011. Bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 cháu cho anh được chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 16/3/2022, Ủy ban nhân dân xã Giang Hải cho biết: Anh Đặng C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Giang Chế, xã VG (nay là xã Giang Hải), Huyện P, tỉnh T. Vợ chồng chị C anh Ch có xảy ra mâu thuẫn, hai người sống ly thân nhiều năm, Ủy ban nhân dân xã Giang Hải đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa ngày 01/4/2022, Tòa án đã mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử nhưng do anh Ch vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 06 tháng 04 năm 2022, đồng thời tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Ch. Tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn cơ bản chấp hành pháp luật nhưng không tham gia các Phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa ngày 01/4/2022, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị NC

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị NC và anh Đặng C có đăng ký kết vào ngày 25/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã xã Giang Hải, Huyện P, tỉnh T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và anh Ch là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị C và anh Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình sống chung, giữa 2 người đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau nên đã sống ly thân với thời gian dài. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình cũng như Tòa án hòa giải nhưng không được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Ch đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của bị đơn.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng 2 người con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị C có công việc ổn định, có thu nhập, để đảm bảo cho các cháu có điều kiện phát triển tốt. Mặt khác, qua làm việc tại Tòa án, cả 2 cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên cần giao cả 2 cháu Đặng Trần Như Ý và Đặng Trần Quốc Việt cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị C rõ về các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Chị C không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị NC phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị NC. Chị C được ly hôn anh Đặng C. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Đặng C.

2. Về việc nuôi con: Giao cháu Đặng Trần Như Ý, sinh ngày 22/4/2006 và Đặng Trần Quốc Việt, sinh ngày 21/5/2011 cho chị Trần Thị NC trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đặng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đặng C không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị NC phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002314, ngày 28/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện P. Chị C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND Huyện P;
- Chi cục THADS Huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã Giang Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sang

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

